

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG TRỰC TUYẾN DOANH NGHIỆP**企业网银服务信息变更申请表****I/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG 客户信息**

Tên khách hàng: 客户名称.....

Mã số khách hàng: 客户编号.....

II/ YÊU CẦU THAY ĐỔI 变更内容**1. Tạm ngưng/ Phục hồi/ Hủy dịch vụ Ngân hàng trực tuyến doanh nghiệp**

暂停/恢复/取消企业网银服务

◇Tạm ngưng dịch vụ từ: 暂停服务从..... tới 至.....

◇Hủy dịch vụ Ngân hàng trực tuyến doanh nghiệp 取消企业网银服务

2. ☐ Thêm tài khoản trên ngân hàng trực tuyến 添加帐号

Số tài khoản 帐号.....Loại tiền: 币种.....

3. ☐ Hủy tài khoản trên ngân hàng trực tuyến 取消帐号

Số tài khoản 帐号.....Loại tiền: 币种.....

4. ☐ Thêm người sử dụng 添加使用 ID

Quyền hạn/权限: ☐ Thao tác 经办 ☐ Kiểm soát 复核 Tên: 名称..... Số CMND/Hộ chiếu: 证件号码..... Số TOKENKEY: 证书号码..... Hạn mức: 限额..... (Bằng chữ: 大写.....) Quyền hạn thao tác: 操作权限 ☐ Vắn tin 查询 ☐ Chuyển tiền đi 汇出汇款 ☐ Chuyển tiền về 汇入汇款	Quyền hạn/权限: ☐ Thao tác 经办 ☐ Kiểm soát 复核 Tên: 名称..... Số CMND/Hộ chiếu: 证件号码..... Số TOKENKEY: 证书号码..... Hạn mức: 限额..... (Bằng chữ: 大写.....) Quyền hạn thao tác: 操作权限 ☐ Vắn tin 查询 ☐ Chuyển tiền đi 汇出汇款 ☐ Chuyển tiền về 汇入汇款
Quyền hạn/权限: ☐ Thao tác 经办 ☐ Kiểm soát 复核 Tên: 名称..... Số CMND/Hộ chiếu: 证件号码..... Số TOKENKEY: 证书号码..... Hạn mức: 限额..... (Bằng chữ: 大写.....) Quyền hạn thao tác: 操作权限 ☐ Vắn tin 查询 ☐ Chuyển tiền đi 汇出汇款 ☐ Chuyển tiền về 汇入汇款	Quyền hạn/权限: ☐ Thao tác 经办 ☐ Kiểm soát 复核 Tên: 名称..... Số CMND/Hộ chiếu: 证件号码..... Số TOKENKEY: 证书号码..... Hạn mức: 限额..... (Bằng chữ: 大写.....) Quyền hạn thao tác: 操作权限 ☐ Vắn tin 查询 ☐ Chuyển tiền đi 汇出汇款 ☐ Chuyển tiền về 汇入汇款

5. ☐ Hủy người sử dụng 取消使用 ID

Quyền hạn/权限: ☐ Thao tác 经办 ☐ Kiểm soát 复核 Tên: 名称..... Số CMND/Hộ chiếu: 证件号码..... Số TOKENKEY: 证书号码..... Hạn mức: 限额..... (Bằng chữ: 大写.....) Quyền hạn thao tác: 操作权限 ☐ Vắn tin 查询 ☐ Chuyển tiền đi 汇出汇款 ☐ Chuyển tiền về 汇入汇款	Quyền hạn/权限: ☐ Thao tác 经办 ☐ Kiểm soát 复核 Tên: 名称..... Số CMND/Hộ chiếu: 证件号码..... Số TOKENKEY: 证书号码..... Hạn mức: 限额..... (Bằng chữ: 大写.....) Quyền hạn thao tác: 操作权限 ☐ Vắn tin 查询 ☐ Chuyển tiền đi 汇出汇款 ☐ Chuyển tiền về 汇入汇款
--	--

Quyền hạn/权限: ☐ Thao tác 经办 ☐ Kiểm so á 复核 T ên: 名称..... Số CMND/Hộ chiếu:证件号码..... Số TOKENKEY: 证书号码..... Hạn mức: 限额..... (Bằng chữ:大写.....) Quyền hạn thao tác: 操作权限 ☐ V ă n t ỉ n 查询 ☐ Chuy ể n t ỉ n đ i 汇出汇款 ☐ Chuy ể n t ỉ n v ề 汇入汇款	Quyền hạn/权限: ☐ Thao tác 经办 ☐ Kiểm so á 复核 T ên: 名称..... Số CMND/Hộ chiếu:证件号码..... Số TOKENKEY: 证书号码..... Hạn mức: 限额..... (Bằng chữ:大写.....) Quyền hạn thao tác: 操作权限 ☐ V ă n t ỉ n 查询 ☐ Chuy ể n t ỉ n đ i 汇出汇款 ☐ Chuy ể n t ỉ n v ề 汇入汇款
---	---

6. ☐ Thay đổi hạn mức giao dịch tối đa 变更交易限额

Tên đăng nhập 登录名称:..... Số TOKENKEY:证书号码..... Hạn mức mới:新的限额.....	Tên đăng nhập 登录名称:..... Số TOKENKEY:证书号码..... Hạn mức mới:新的限额.....
--	--

- ☐ Báo mất TOKENKEY 密码器挂失: Số TOKENKEY:密码器编号.....
☐ Cấp lại mật khẩu TOKENKEY 重置密码器密码: Số TOKENKEY: 证书编号:.....
☐ Cấp lại mật khẩu đăng nhập E-banking 重置登录密码:ID đăng nhập 登陆 ID :.....
☐ Thay đổi khác 其他.....
.....
.....

Các thay đổi tr ê n c ó hiệu lực từ ngày:以上变更从.....起有效

Chữ ký khách hàng và dấu 客户签字, 单位公章		Dành riêng cho ngân hàng 银行填写	
Đại diện công ty xác nhận 公司负责人签字盖	Kê to á n 会计	Giao dịch vi ệ n 经办	Kiểm so á 复核

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Chú ý- 注释:
(1) Trường hợp khách hàng không thể đến quầy nhận Token - key hoặc ủy quyền người khác lấy hộ, vui lòng thông báo cho nhân viên ngân hàng biết qua số điện thoại hoặc email đã đăng ký với ngân hàng sau khi đã nhận được Token-key để tiến hành kích hoạt ID.
若新增 ID 客户不能前来柜台领取密码器或者委托他人领取, 请在收到密码器之后通过跟银行所登记的电话号码或者邮箱通知柜员, 以便解冻此 ID。
(2) Trường hợp khách hàng muốn nhận Token-key qua chuyển phát nhanh vui lòng ghi rõ họ tên địa chỉ người nhận.
若新增 ID 客户希望通过邮寄收密码器, 请填写收件人姓名、地址和联系方式。